



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
đăng ký Doanh nghiệp số** 0200167782 ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Quốc Dũng Ông Noboru Kobayashi Ông Chu Văn Phương Ông Trần Ngọc Bảo Ông Bùi Đức Long Ông Đào Anh Thắng	Chủ tịch Phó chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên độc lập
--------------------------	--	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Chu Văn Phương Ông Trần Nhật Ninh Bà Ngô Thị Thu Thủy Ông Nguyễn Văn Thức Ông Trần Ngọc Bảo	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Phó Tổng Giám đốc Nội chính Phó Tổng Giám đốc Tài chính
--------------------------	---	---

Ủy ban Kiểm toán	Ông Đào Anh Thắng Ông Bùi Đức Long	Chủ tịch Thành viên
-------------------------	---------------------------------------	------------------------

Trụ sở đăng ký	Số 2 An Đà Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền Thành phố Hải Phòng Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **25-03-2025**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00231-25-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.348.198.784.710	3.365.715.428.643
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	515.428.078.360	446.071.490.535
Tiền	111		274.446.909.745	435.529.434.759
Các khoản tương đương tiền	112		240.981.168.615	10.542.055.776
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.492.000.000.000	950.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.492.000.000.000	950.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426.401.803.966	878.903.787.837
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	388.318.659.135	860.337.905.474
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	64.997.213.700	44.541.723.581
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	28.628.218.531	28.993.745.315
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(55.542.287.400)	(54.969.586.533)
Hàng tồn kho	140	10	901.760.865.810	1.073.875.638.543
Hàng tồn kho	141		901.794.477.084	1.073.875.638.543
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.611.274)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.608.036.574	16.864.511.728
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.191.400.704	16.420.744.689
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	416.635.870	443.767.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.698.576.323.442	1.729.425.708.773
Tài sản cố định	220		1.170.263.904.699	1.230.626.000.643
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.170.263.904.699	1.230.626.000.643
Nguyên giá	222		2.908.317.711.357	2.843.976.034.986
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.738.053.806.658)	(1.613.350.034.343)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		2.501.022.223	2.501.022.223
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.352.496.402	47.357.468.650
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	9.352.496.402	47.357.468.650
Đầu tư tài chính dài hạn	250		380.672.188.600	325.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	101.360.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	60.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		138.287.733.741	126.170.050.880
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	138.287.733.741	126.170.050.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.046.775.108.152	5.095.141.137.416

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.644.122.316.430	2.220.207.566.510
Nợ ngắn hạn	310		2.644.122.316.430	2.220.207.566.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	306.642.957.145	302.978.842.673
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	595.961.107.350	7.667.922.805
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	68.481.981.726	49.313.871.335
Phải trả người lao động	314		53.589.672.704	59.405.771.039
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	110.228.634.154	112.842.186.415
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	132.606.465.013	23.295.169.375
Vay ngắn hạn	320	19	1.369.758.366.181	1.645.227.876.481
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	6.853.132.157	19.475.926.387
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.402.652.791.722	2.874.933.570.906
Vốn chủ sở hữu	410	21	3.402.652.791.722	2.874.933.570.906
Vốn cổ phần	411	22	1.425.322.840.000	1.295.753.340.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		1.425.322.840.000	1.295.753.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	1.217.621.008.916	1.174.251.384.986
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		759.708.942.806	404.928.845.920
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		47.205.133.220	47.199.299.220
- <i>LNST năm nay</i>	421b		712.503.809.586	357.729.546.700
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.046.775.108.152	5.095.141.137.416

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc



25-03-2025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	5.280.269.032.332	4.721.261.485.121
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	153.415.413.265	113.239.525.771
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	5.126.853.619.067	4.608.021.959.350
Giá vốn hàng bán	11	27	3.639.321.711.136	3.377.147.519.398
Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		1.487.531.907.931	1.230.874.439.952
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	261.599.472.835	268.510.609.512
Chi phí tài chính	22	29	81.172.219.940	122.082.875.555
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.940.813.068	83.318.618.128
Chi phí bán hàng	25	30	607.362.894.254	566.912.774.298
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	210.675.270.238	172.973.208.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		849.920.996.334	637.416.190.820
Thu nhập khác	31		9.077.891.005	5.355.481.923
Chi phí khác	32		2.991.943.874	1.384.835.106
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.085.947.131	3.970.646.817
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		856.006.943.465	641.386.837.637
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	143.503.133.879	89.294.289.937
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		712.503.809.586	552.092.547.700

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc



25-03-2025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	856.006.943.465	641.386.837.637
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	144.041.161.626	150.406.360.901
Các khoản dự phòng	03	606.312.141	(10.830.328.344)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(93.225.592)	164.314.320
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(262.212.040.416)	(266.351.343.225)
Chi phí lãi vay	06	45.940.813.068	83.318.618.128
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	784.289.964.292	598.094.459.417
Biến động các khoản phải thu	09	488.196.810.915	129.749.622.855
Biến động hàng tồn kho	10	172.081.161.459	295.678.482.174
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	690.975.683.790	24.888.996.835
Biến động chi phí trả trước	12	(11.551.901.148)	4.254.982.329
		2.123.991.719.308	1.052.666.543.610
Tiền lãi vay đã trả	14	(47.588.141.777)	(84.246.782.998)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(125.840.908.700)	(71.549.313.676)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(67.832.049.000)	(1.864.854.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.882.730.619.831	895.005.592.936
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(68.169.801.816)	(72.873.510.106)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	996.181.819	447.181.818
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng và đầu tư trái phiếu	23	(3.092.000.000.000)	(1.410.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	1.500.000.000.000	882.857.808.219
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.400.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	256.218.061.159	252.650.211.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.408.355.558.838)	(346.918.308.419)

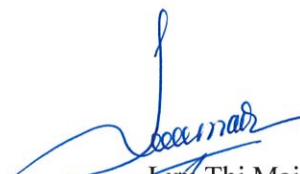
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.395.254.474.105	3.274.716.870.586
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.670.723.984.405)	(3.281.678.336.581)
Tiền trả cổ tức	36	(129.575.334.000)	(259.150.668.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(405.044.844.300)	(266.112.133.995)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	69.330.216.693	281.975.150.522
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	446.071.490.535	164.141.010.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.371.132	(44.670.119)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	515.428.078.360	446.071.490.535

Người lập:


 Lưu Thị Mai
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Trần Ngọc Bảo
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính


 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc



25-03-2025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1.262 nhân viên (1/1/2024: 1.272 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	86.044.206	127.243.970
Tiền gửi ngân hàng	274.360.865.539	435.402.190.789
Các khoản tương đương tiền	240.981.168.615	10.542.055.776
	515.428.078.360	446.071.490.535

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		2.492.000.000.000		950.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)		50.000.000.000 (*)		-
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	100.000	10.000.000.000 (*)	100.000	10.000.000.000 (*)
		60.000.000.000		10.000.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,4% đến 9% (1/1/2024: từ 5,2% đến 7,5%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm 6,4%.

(iii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024					1/1/2024		
	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (i)	100,00%		120.000.000.000	-	(*)		120.000.000.000	(*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (ii)	100,00%		11.100.000.000	-	(*)		11.100.000.000	(*)
			131.100.000.000	-			131.100.000.000	
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (iii)	27,39%	13.440.438	84.150.000.000	-	(*)	12.218.580	84.150.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (iv)	49,98%	499.775	5.397.000.000	-	(*)	499.775	5.397.000.000	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (v)	51,00%		23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)		23.798.883.000	(*)
			113.345.883.000	(23.798.883.000)			113.345.883.000	(23.798.883.000)
Đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định	13,50%	4.632.086	46.784.068.600	-	(*)	4.632.086	46.784.068.600	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (vi)	1,80%	1.980.000	46.800.000.000	-	98.604.000.000	1.800.000	41.400.000.000	- 72.990.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	17,39%	396.000	5.148.000.000	-	(*)	396.000	5.148.000.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	4,80%	56.406	1.128.120.000	-	(*)	56.406	1.128.120.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	1,11%	150.000	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	150.000	1.500.000.000	(1.335.000.000) (*)
			101.360.188.600	(1.335.000.000)			95.960.188.600	(1.335.000.000)
			345.806.071.600	(25.133.883.000)			340.406.071.600	(25.133.883.000)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Tại cuộc họp ngày 3 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2023 bằng cách phát hành 4.460.552 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương đương 44.605 triệu VND. Công ty được nhận 1.221.858 cổ phiếu, tương đương 12.218 triệu VND.

- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phần ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.

- (vi) Ngày 14 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỉ lệ 10:1, giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 9 tháng 1 năm 2024, Công ty thực hiện quyền mua thêm 180.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá niêm yết trên thị trường.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	227.636.669.133	378.726.082.679
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	45.070.844.867	51.471.124.885
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	7.111.109.982	7.637.597.893
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	12.204.000	11.286.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	20.012.400	24.192.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	57.549.413.148	280.617.419.558
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	22.563.585.360	-
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.238.521.980	13.851.981.980
Iplex Pipelines NZ Ltd	1.922.933.586	8.403.595.985
Công ty TNHH Tam Phước	-	3.144.294.845
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	-	57.686.733.342
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	-	53.669.409.252
Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất Tiền Phong Nam Miền Trung	8.272.496.736	-
Các khách hàng khác	4.920.867.943	5.094.187.055
	388.318.659.135	860.337.905.474

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	1.777.618.002
Bên khác		
Công ty TNHH Eplas	45.211.510.015	24.856.842.099
Công ty TNHH Công nghệ xanh Hoa Sen	4.954.444.000	3.819.425.500
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	1.675.601.286	120.980.258
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	797.208.539	2.800.219.372
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	1.618.499.179
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	-	305.376.045
Các nhà cung cấp khác	12.358.449.860	9.242.763.126
	64.997.213.700	44.541.723.581

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Phải thu Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung, công ty con, liên quan đến các khoản trả hộ và nguyên vật liệu cho vay	-	1.844.917.697
Bên khác		
Phải thu tiền lãi	23.445.929.210	19.952.058.638
Tạm ứng	1.145.407.894	3.638.775.582
Đặt cọc	550.000.000	2.137.000.000
Phải thu khác	3.486.881.427	1.420.993.398
	28.628.218.531	28.993.745.315

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i> Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát Công ty TNHH Vi Nam Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-	Trên 3 năm	51.471.124.885	(51.471.124.885)	-
Đối tượng khác	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	3.751.674.814	(1.885.837.407)	1.865.837.407	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.831.674.814	(1.149.502.444)	2.682.172.370
	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	13.238.521.980	(6.235.382.970)	7.003.139.010		-	-	-
	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm và trên 3 năm	207.746.316	(204.799.428)	2.946.888	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-
		64.414.210.705	(55.542.287.400)	8.871.923.305		57.651.758.903	(54.969.586.533)	2.682.172.370
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				(55.542.287.400)	(54.969.586.533)			

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	192.398.038.182	-	155.195.747.793	-
Nguyên vật liệu	436.114.698.664	-	627.097.354.446	-
Công cụ và dụng cụ	14.950.126.888	-	14.091.900.373	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.758.008.118	-	35.548.584.505	-
Thành phẩm	231.573.605.232	(33.611.274)	241.942.051.426	-
	901.794.477.084	(33.611.274)	1.073.875.638.543	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.542.919.193.813	1.095.140.141.011	188.581.877.970	17.334.822.192	2.843.976.034.986
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	20.807.084.456	53.298.761.530	6.664.636.363	-	80.770.482.349
Thanh lý	-	(12.035.816.978)	(4.137.912.000)	(255.077.000)	(16.428.805.978)
Số dư cuối năm	1.563.726.278.269	1.136.403.085.563	191.108.602.333	17.079.745.192	2.908.317.711.357
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	673.639.740.983	798.789.128.003	123.940.749.542	16.980.415.815	1.613.350.034.343
Khấu hao trong năm	72.976.082.868	56.218.624.748	10.948.532.453	234.359.285	140.377.599.354
Thanh lý	-	(11.538.200.047)	(3.880.549.992)	(255.077.000)	(15.673.827.039)
Số dư cuối năm	746.615.823.851	843.469.552.704	131.008.732.003	16.959.698.100	1.738.053.806.658
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	869.279.452.830	296.351.013.008	64.641.128.428	354.406.377	1.230.626.000.643
Số dư cuối năm	817.110.454.418	292.933.532.859	60.099.870.330	120.047.092	1.170.263.904.699

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 789.170 triệu VND (1/1/2024: 685.341 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	47.357.468.650	2.173.973.393
Tăng trong năm	42.765.510.101	97.585.330.159
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(80.770.482.349)	(52.401.834.902)
Số dư cuối năm	9.352.496.402	47.357.468.650

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	8.958.047.418	20.786.441.366
Máy móc, thiết bị	394.448.984	26.571.027.284
	9.352.496.402	47.357.468.650

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	103.912.090.025	1.821.724.043	20.436.236.812	126.170.050.880
Tăng trong năm	-	-	31.336.792.998	31.336.792.998
Phân bổ trong năm	(3.663.562.272)	(1.295.089.760)	(14.260.458.105)	(19.219.110.137)
Số dư cuối năm	100.248.527.753	526.634.283	37.512.571.705	138.287.733.741

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	64.345.557	40.850.728.922
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	50.599.782.132	129.496.232.050
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	4.253.240.755	2.459.194.813
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	2.133.076.000	-
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	62.859.292.650	43.282.809.750
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	58.693.010.632	13.394.965.034
Solmer Future Ltd	23.238.123.480	25.336.052.500
Tricon Energy Ltd	-	9.294.201.000
Hyosung Chemical Corporation	-	7.324.569.000
Các nhà cung cấp khác	104.802.085.939	31.540.089.604
	306.642.957.145	302.978.842.673

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Tam Phước	232.812.475.640	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	225.348.321.127	-
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	94.945.290.577	-
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	41.026.151.952	7.195.793.254
Iplex Pipelines Australia Pty Ltd	1.790.877.430	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	37.990.624	472.129.551
	595.961.107.350	7.667.922.805

16. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.446.714.595	431.700.378.050	(428.839.382.445)	6.307.710.200
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	135.802.870.335	(135.802.870.335)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.317.802.977	143.503.133.879	(125.840.908.700)	43.980.028.156
Thuế thu nhập cá nhân	19.193.917.587	26.677.608.873	(28.032.719.266)	17.838.807.194
Tiền thuê đất	-	7.523.900.500	(7.523.900.500)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	17.741.322.792	(17.741.322.792)	355.436.176
Các loại thuế khác	(443.767.039)	217.785.975	(190.654.806)	(416.635.870)
	48.870.104.296	763.167.000.404	(743.971.758.844)	68.065.345.856
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	443.767.039			416.635.870
Thuế phải nộp Nhà nước	49.313.871.335			68.481.981.726

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi vay phải trả	2.324.396.242	3.971.724.951
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	67.616.625.266	79.377.144.823
Chi phí vận chuyển	7.952.544.181	10.206.568.942
Chi phí thuê đất	18.952.898.621	15.782.944.497
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	6.918.223.882	1.784.260.395
Chi phí phải trả khác	6.463.945.962	1.719.542.807
	110.228.634.154	112.842.186.415

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	103.990.340.637	-
Bên khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu	5.002.000.000	5.002.000.000
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	10.803.693.782	8.335.068.642
Nhận đặt cọc ngắn hạn	7.959.725.423	8.777.153.103
Phải trả Công đoàn	4.850.705.171	1.180.947.630
Các khoản phải trả khác		
	132.606.465.013	23.295.169.375

Khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.645.227.876.481	3.395.254.474.105	(3.670.723.984.405)		1.369.758.366.181	

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất năm từ 3,8% đến 4,8% (1/1/2024: từ 2,9% đến 5,7%).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	19.475.926.387	5.758.670.282
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	55.209.254.770	15.582.110.105
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(65.000.000.000)	-
Sử dụng trong năm	(2.832.049.000)	(1.864.854.000)
Số dư cuối năm	6.853.132.157	19.475.926.387

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2023	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	278.657.399.268	2.597.573.801.311
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	552.092.547.700	552.092.547.700
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 23)	-	151.088.322.943	(151.088.322.943)	-
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	-	-	(64.787.667.000)	(64.787.667.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 20)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
	-	-	(15.582.110.105)	(15.582.110.105)
Số dư tại ngày 1/1/2024	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	404.928.845.920	2.874.933.570.906
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	712.503.809.586	712.503.809.586
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	43.369.623.930	(43.369.623.930)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu (Thuyết minh 23)	129.569.500.000	-	(129.569.500.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(129.575.334.000)	(129.575.334.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 (Thuyết minh 20)	-	-	(55.209.254.770)	(55.209.254.770)
Số dư tại ngày 31/12/2024	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	759.708.942.806	3.402.652.791.722

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	129.575.334	1.295.753.340.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 23)	12.956.950	129.569.500.000	-	-
Số dư cuối năm	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức của năm 2023 bằng tiền trị giá 129.575 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) (2023: phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền trị giá 64.788 triệu VND (500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 5% vốn điều lệ)); và ii) trả cổ tức cho năm 2023 bằng cách phát hành 12.956.950 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương đương 129.570 triệu VND.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	43.447.992.500
Trên năm năm	206.297.826.313	217.159.824.438
	260.607.816.938	271.469.815.063

(b) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	229.714	5.800.245.928	604.413	14.508.927.104

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2024	1/1/2024
			VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	122.763.480.049	74.876.264.537

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	4.888.298.673.304	4.422.870.161.260
▪ Doanh thu khác	391.970.359.028	298.391.323.861
	5.280.269.032.332	4.721.261.485.121
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(143.348.800.547)	(103.510.655.901)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.066.612.718)	(8.789.278.748)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(939.591.122)
	(153.415.413.265)	(113.239.525.771)
Doanh thu thuần		
	5.126.853.619.067	4.608.021.959.350

27. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.260.112.139.598	3.080.728.890.146
▪ Giá vốn khác	379.175.960.264	300.130.765.293
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.611.274	(3.712.136.041)
	3.639.321.711.136	3.377.147.519.398

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	83.067.479.996	55.800.117.524
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.887.541.104	2.606.448.105
Cổ tức và lợi nhuận được chia	176.644.451.735	210.104.043.883
	261.599.472.835	268.510.609.512

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	45.940.813.068	83.318.618.128
Chiết khấu thanh toán	32.749.878.162	35.259.873.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.481.528.710	3.504.383.461
	81.172.219.940	122.082.875.555

30. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	56.210.409.759	49.603.173.988
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	280.778.396.054	273.460.174.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.200.401.569	20.727.157.039
Chi phí vận chuyển	93.841.031.360	105.469.285.386
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	92.432.758.959	37.151.183.830
Chi phí bán hàng khác	63.899.896.553	80.501.799.317
	607.362.894.254	566.912.774.298

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	103.149.251.237	88.387.179.991
Chi phí khấu hao và phân bổ	25.505.184.663	26.479.022.312
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	572.700.867	(7.118.192.303)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	81.448.133.471	65.225.198.791
	210.675.270.238	172.973.208.791

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.160.807.848.365	2.875.908.212.885
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	280.778.396.054	273.460.174.738
Chi phí nhân công và nhân viên	413.114.429.474	372.499.704.317
Chi phí khấu hao và phân bổ	144.041.161.626	150.406.360.901
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	572.700.867	(7.118.192.303)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.609.734.751	283.086.038.751
Chi phí khác	98.242.970.637	95.300.988.280

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	140.346.544.980	88.631.721.703
Dự phòng thiếu trong năm trước	3.156.588.899	662.568.234
	143.503.133.879	89.294.289.937

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	856.006.943.465	641.386.837.637
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	171.201.388.693	128.277.367.527
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.474.046.634	2.375.162.953
Thu nhập không bị tính thuế	(35.328.890.347)	(42.020.808.777)
Dự phòng thiếu trong năm trước	3.156.588.899	662.568.234
	143.503.133.879	89.294.289.937

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	106.116.859.089	79.429.406.887
Mua hàng hóa	35.044.928.629	466.123.703
Phân phối lợi nhuận	169.544.177.267	196.327.371.811
Mua dịch vụ	681.533.190	1.250.511.855
Cho vay nguyên vật liệu	-	15.185.016.000
Nhận lại nguyên vật liệu đã cho vay	-	63.362.554.800
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	149.232.705.914	152.920.310.840
Mua hàng hóa, dịch vụ	261.177.763.548	247.815.031.631
Hàng bán bị trả lại	407.815.350	144.835.822
Cổ tức được nhận	-	6.109.290.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	34.652.719.097	30.472.910.567
Cổ tức được chia	499.775.000	599.730.000
Doanh thu bán hàng hóa	24.650.000	24.150.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i> <i>– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân</i> <i>liên quan của Công ty</i>		
Hàng bán trả lại	38.155.709	1.095.826.375
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i> <i>– công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	36.519.680	80.050.690
Mua hàng hóa, dịch vụ	65.474.266.898	55.504.459.300
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung</i> <i>thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	22.301.455.066	33.145.113.839
Mua hàng hóa	64.242.966.721	210.107.914.380
Hàng bán trả lại	-	40.290.430

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2024 VND	2023 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	5.135.414.249	5.024.738.124
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	1.044.300.000	1.203.600.000
Ông Bùi Đức Long – Thành viên	378.150.000	50.000.000
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên (đến ngày 28/4/2023)	-	362.750.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	2.143.435.500	995.580.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	4.858.125.303	4.763.745.916
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.867.192.682	3.736.305.864
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	8.180.711.900	7.490.910.696

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

25-03-2025